

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT

Ngày: 12 – 4 – 2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng tiêu thụ lúa”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Hùng

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng tiêu thụ lúa”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM

Địa chỉ: Số 76, đường TMQ, Phường 11, Quận 10, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bảo T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khiếu Văn C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 49, Đường 32, phường TML, TP TĐ, thành phố HCM (Giấy ủy quyền số 25-2022/UQ/TM ngày 25 tháng 11 năm 2022)

- Bị đơn: Hợp tác xã Nông Nghiệp VC

Địa chỉ: Ấp 15, xã VM B, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn C - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số 58C, đường HV, phường TB, Quận NK, thành phố CT (Giấy ủy quyền ngày 28/11/2022)

Người kháng cáo: Hợp tác xã Nông Nghiệp VC. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T.

(Ông Khiếu Văn C, ông Nguyễn Trường T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Khiếu Văn C là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM trình bày:

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM (gọi tắt Công ty TM) và Hợp tác xã Nông Nghiệp VC (gọi tắt Hợp tác xã VC) có ký hợp tác bao tiêu, tiêu thụ lúa từ vụ Đông Xuân năm 2016 đến vụ Đông Xuân năm 2018 (03 vụ lúa).

Mùa vụ năm 2016, Công ty TM chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Trịnh Văn C đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã VC với tổng số tiền là 25.541.428.990 đồng.

Mùa vụ năm 2017, Công ty TM chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Trịnh Văn C là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã VC với số tiền là 46.576.199.285 đồng.

Mùa vụ năm 2018, Công ty TM chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Trịnh Văn C đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã VC với số tiền là 20.056.911.000 đồng.

Sau khi kết thúc hợp tác hai bên tiến hành đối chiếu công nợ theo các biên bản như sau:

Biên bản đối chiếu công nợ số 03/BBĐCN –TMC vụ mùa năm 2016 được hai bên lập ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại văn phòng Công ty TM thì số tiền ông Trịnh Văn C - đại diện cho Hợp tác xã VC còn nợ là 3.877.451.220 đồng.

Biên bản đối chiếu công nợ số 01/BBĐCN –TMC vụ mùa năm 2017 giữa hai bên được lập ngày 30 tháng 11 năm 2018 thì ông Trịnh Văn C – đại diện Hợp tác xã VC lại nợ thêm Công ty TM 4.141.063.767 đồng.

Biên bản đối chiếu công nợ số 02/BBĐCN –TMC vụ mùa năm 2018 hai bên được lập ngày 30 tháng 11 năm 2018 thì số tiền ông Trịnh Văn C – đại diện Hợp tác xã VC lại nợ thêm Công ty TM là 522.101.340 đồng.

Đến ngày 7 tháng 5 năm 2020, hai bên tiếp tục làm việc và đối chiếu công nợ theo biên bản làm việc ngày 7 tháng 5 năm 2020 và thống nhất với nhau là Hợp tác xã Nông Nghiệp VC vẫn còn nợ Công ty TM tổng số tiền là

8.065.616.327 đồng. Sau khi đã trừ đi các khoản mà Hợp tác xã VC đã trả cho Thuận Minh và tiền hoa hồng mà Hợp tác xã VC được hưởng.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM yêu cầu Hợp tác xã VC trả nợ một lần số tiền là 8.065.616.327 đồng. Hợp tác xã VC lại tiếp tục xin kéo dài thời gian trả nợ và Công ty TM không đồng ý. Do hai bên không thống nhất được thời gian trả nợ nên có đề nghị chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra xem xét theo quy định. Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Công an tỉnh Bạc Liêu xem xét nhưng Cơ quan Công an không thụ lý mà hướng dẫn chuyển hồ sơ qua Toà án để giải quyết dân sự theo quy định của pháp luật.

Nay Công ty TM khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Hợp tác xã VC (Đại diện là ông Trịnh Văn C) trả cho Công ty TM số tiền gốc là: 8.065.616.327 đồng và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ 30/11/2018 đến 29/06/2022 đối với số tiền 8.065.616.327 đồng, theo lãi suất cơ bản Ngân hàng nhà nước công bố trung bình 9%/năm là 2.595.360.651 đồng, tổng số tiền phải thanh toán đến ngày 29/6/2022 là 10.660.976.978 đồng.

Bị đơn Hợp tác xã Nông Nghiệp VC (gọi tắt Hợp tác xã VC), người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trường T trình bày:

Vào ngày 15/01/2017, Hợp tác xã VC đại diện cho nông dân của xã Vĩnh Mỹ B ký với Công ty TM hợp đồng tiêu thụ lúa, Hợp tác xã VC không có ký hợp đồng mua bán lúa với Công ty TM; Hợp tác xã VC chỉ là trung gian môi giới cho Công ty TM ký hợp đồng mua lúa với người dân của xã VM B, huyện HB; Hợp tác xã VC hưởng hoa hồng 20 đồng/01 ký lúa từ Công ty TM.

Hợp tác xã VC có nhận chuyển khoản của Công ty TM số tiền qua các lần như sau: Năm 2016 nhận 25.541.428.990 đồng; năm 2017 nhận 46.576.199.285 đồng; năm 2018 nhận 20.056.911.000 đồng. Toàn bộ số tiền đã nhận của Công ty TM thì Hợp tác xã VC đã đặt cọc lúa hết cho người dân; việc đặt cọc được ký kết bằng hợp đồng mua lúa giữa người dân và Hợp tác xã VC, Công ty TM, trong hợp đồng có thể hiện số tiền cọc; tất cả hợp đồng mua lúa đều được Công ty TM cất giữ.

Do Công ty TM làm ăn thua lỗ nên Hợp tác xã VC và Công ty TM thỏa thuận Hợp tác xã VC hỗ trợ phần thua lỗ cho Công ty TM số tiền 300.000.000 đồng; Hợp tác xã VC đã giao đủ 300.000.000 đồng cho Công ty TM; từ khi ký hợp đồng đến nay Hợp tác xã VC chưa nhận được khoản tiền hoa hồng nào từ Công ty TM.

Trong 8.065.616.291 đồng tiền gốc mà Công ty TM yêu cầu thì có 3.800.000.000 đồng là số tiền mà Công ty TM đưa cho Hợp tác xã VC mua lúa giống đầu tư trước cho người dân sản xuất (theo thỏa thuận trong hợp đồng), 3.968.000.000 đồng là tiền đặt cọc lúa cho người dân, số tiền còn lại 297.616.291 đồng là số tiền thất thoát trong quá trình tiêu thụ lúa. Sở dĩ số tiền

đặt cọc lúa 3.968.000.000 đồng người dân chưa trả cho Công ty là do Công ty TM không nhận lúa của người dân.

Đối với yêu cầu của Công ty TM thì Hợp tác xã VC không đồng ý trả cho Công ty TM số tiền 10.660.976.978 đồng (tiền gốc là 8.065.616.327 đồng và tiền lãi từ ngày 30/11/2018 đến 29/06/2022 là 2.595.360.651 đồng), vì Hợp tác xã VC không có nợ Công ty TM.

Từ nội dung trên, Bản án số 01/2023/KDTM-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM.

Buộc Hợp tác xã Nông Nghiệp VC thanh toán cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM tổng số tiền là 9.940.872.073 đồng (Chín tỷ chín trăm bốn mươi triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn không trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là 8.065.616.291 đồng và tiền lãi là 1.875.255.782 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM đòi Hợp tác xã Nông Nghiệp VC trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/11/2018 đến ngày 31/05/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/01/2023, ông Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ thụ lý, thẩm quyền xét xử, thu thập chứng cứ, triệu tập người tham gia tố tụng và nội dung Quyết định trái pháp luật không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Hợp tác xã VC không đúng với Hợp đồng hai bên đã ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến tranh luận: Tòa án nhân dân huyện HB ban hành Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 81/TB-TLVA ngày 29/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán lúa” giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM và bị đơn Hợp tác xã VC; Thông báo thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 01/TB-TLVA ngày 14/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tiêu thụ lúa” giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất

Nhập khẩu TM và bị đơn Hợp tác xã VC; cùng một vụ án giống nhau nhưng do cùng một Thẩm phán giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng. Đồng thời, bị đơn không nhận được quyết định tạm đình chỉ hay đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án nhân dân huyện HB.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TM trình bày ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã VC, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Về án phí phúc thẩm: Hợp tác xã VC phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC còn trong thời hạn luật định và đúng quy định tại Điều 273, 274 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Khiếu Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TM và ông Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hợp tác xã VC có mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ thụ lý, thẩm quyền xét xử, thu thập chứng cứ, triệu tập người tham gia tố tụng và nội dung Quyết định trái pháp luật không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Hợp tác xã VC không đúng với Hợp đồng hai bên đã ký.

[2.1] Xét nội dung kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ thụ lý, thẩm quyền xét xử, thu thập chứng cứ, triệu tập người tham gia tố tụng.

Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người tham tố tụng là ông Nguyễn Hữu Th đại diện Ủy ban nhân dân xã VM B (Điều 5 của Hợp đồng thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm hòa giải) và những người giao, nhận lúa tại Đồng Tháp gồm ông Bùi Bình D, Bùi Ngọc Nh, ông Lê Văn Th, ông Lê Minh T, ông Nguyễn Văn Đ và ông Lê Minh S; Đồng thời trong Điều 5 Hợp đồng ghi các bên tranh chấp đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết theo pháp luật nhưng Tòa án nhân dân huyện HB thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền.

[2.1.1] Đối với kháng cáo cho rằng không triệu tập ông Nguyễn Hữu Th vào tham gia tố tụng, thấy rằng: Ông Nguyễn Hữu Th là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã VM B có ký xác nhận vào “Hợp đồng tiêu thụ lúa” ngày 15/01/2017 giữa hai bên đương sự. Căn cứ vào điểm 1.4 Điều 1 Hợp đồng có nêu: Đại diện Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM sẽ ký kết với đại diện Hợp tác xã thông qua Hợp đồng liên kết, có chứng kiến và xác nhận của Ủy ban nhân dân tại địa phương và điểm 4.3 Điều 4 Hợp đồng cũng nêu: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã VM B hỗ trợ Hợp tác xã trong việc thu hồi khoản chi phí đầu tư giống của Công ty cho bà con nông dân. Điều này cho thấy, Ủy ban nhân dân xã chỉ tham gia chứng kiến việc ký kết hợp đồng, Ủy ban nhân dân xã VM B không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong Hợp đồng tiêu thụ lúa, nên đối với kháng cáo đưa Ủy ban nhân dân xã VM B vào tham gia tố tụng là không cần thiết, không đúng quy định của pháp luật.

Mặc dù, tại Điều 5 của Hợp đồng ghi “*Trong trường hợp tranh chấp thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thương lượng, hòa giải*”. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự không có quy định đối với tranh chấp Hợp đồng Thương mại phải được hòa giải tại cơ sở và tại điểm d khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/2/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hoà giải ở cơ sở có quy định “*Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hoà giải ở cơ sở quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 của Luật hoà giải cơ sở, bao gồm: Hòa giải tranh chấp về thương mại được thực hiện theo quy định của Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ vụ án cho Ủy ban nhân dân xã VM B, huyện HB hòa giải cơ sở là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[2.1.2] Đối với kháng cáo cho rằng không triệu tập những người tham gia tố tụng gồm ông Bùi Bình D, ông Bùi Ngọc Nh, ông Lê Văn Th, ông Nguyễn Văn Đ, ông Lê Minh T và ông Lê Minh S là những người giao, nhận lúa tại ĐT, để xác định việc thất thoát 02 ghe lúa không phải trách nhiệm của phía bị đơn, thấy rằng: Tại mục 2 của Biên bản làm việc ngày 07/5/2020 (Bút lục số 679,

680) về việc đối chiếu công nợ giữa hai bên gồm ông Huỳnh Bảo T đại diện theo pháp luật của Công ty TM và ông Trịnh Văn C đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã VC cùng thống nhất thỏa thuận, thể hiện “2. Về việc thất thoát 02 ghe lúa: 01 Ghe nàg hoa có số lượng 87.605kg có giá trị thành tiền là 514.240.000đ và 01 ghe lúa 504 có số lượng 47.513kg. HTX Vĩnh Cường không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc nhập kho lúa cho chi nhánh Công ty, việc làm mất mát hai ghe lúa Công ty Hợp tác xã VC đồng ý chịu trách nhiệm về sự làm mất mát hai ghe lúa này của chi nhánh Công ty. Hợp tác xã VC cũng đồng ý chịu trách nhiệm về sự mất mát 204.000 kg lúa của chi nhánh Công ty và có trách nhiệm bồi hoàn cho Công ty tổng số tiền là 2.090.898.414đ”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC xác định những người làm chứng đã giao nhận lúa tại ĐT nêu trên đã giao lúa cho Công ty TM nhưng không cung cấp được phiếu nhập kho cũng như biên bản về việc giao nhận lúa với Công ty TM trong khi đó Công ty TM không thừa nhận có việc nhận lúa nên không có căn cứ cho rằng đã giao 02 ghe lúa cho Công ty TM như người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC trình bày.

Căn cứ vào Biên bản làm việc nêu trên việc làm mất 02 ghe lúa thì Hợp tác xã VC đồng ý chịu trách nhiệm về sự mất 02 ghe lúa và mất 204.000 kg lúa của Công ty và có trách nhiệm bồi hoàn cho Công ty TM tổng số tiền là 2.090.898.414đ. Như vậy, kháng cáo yêu cầu đưa những người đi ghe giao nhận lúa vào tham gia tố tụng là không cần thiết, việc làm thất thoát 02 ghe lúa này do những người vận chuyển lúa trên ghe chưa giao vào kho của Công ty TM, thì Hợp tác xã VC có quyền khởi kiện những người vận chuyển lúa thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[2.1.3] Đối với kháng cáo về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cho rằng tại Điều 5 của “Hợp đồng tiêu thụ lúa” các bên thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết khi có xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, việc lựa chọn phải phù hợp, đúng với quy định của pháp luật, tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp trong đó có tranh chấp kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, bị đơn có địa chỉ ở ấp AT, xã VM B, huyện HB. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện HB căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp là đúng thẩm quyền.

Đồng thời, theo Điều 317 Luật Thương mại năm 2005 quy định hình thức giải quyết tranh chấp:

“1. Thương lượng giữa các bên;

2. Hòa giải giữa các bên do một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được các bên thỏa thuận chọn làm trung gian hoà giải,

3. Giải quyết tại trọng tài hoặc Tòa án”.

Do đó, Công ty TM đã chọn giải quyết tranh chấp bằng hình thức khởi kiện ra Tòa án là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC cho rằng Tòa án nhân dân huyện HB ban hành Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 81/TB-TLVA ngày 29/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán lúa” giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM và bị đơn Hợp tác xã VC; Thông báo thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 01/TB-TLVA ngày 14/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tiêu thụ lúa” giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM và bị đơn Hợp tác xã VC; cùng một vụ án giống nhau nhưng do cùng một Thẩm phán giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng. Đồng thời, bị đơn không nhận được quyết định tạm đình chỉ hay đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án nhân dân huyện HB. Xét thấy, cả hai Thông báo thụ lý vụ án nêu trên tuy cùng là một Thẩm phán ký ban hành nhưng khác nhau về quan hệ pháp luật tranh chấp nên theo quy định pháp luật thì một Thẩm phán vẫn tiến hành tố tụng thụ lý giải quyết là không vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, đối với Thông báo thụ lý số 81/TB-TLVA ngày 29/4/2021 là thụ lý vụ án tranh chấp dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện HB ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 97/2021/QĐST-DS ngày 21/9/2021 do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện HB đình chỉ xét xử vụ án tranh chấp dân sự là đúng quy định theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC chưa nhận được Quyết định đình chỉ thì liên hệ Tòa án nhân dân huyện HB để nhận Quyết định.

[2.2] Xét kháng cáo về nội dung, bị đơn không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn:

[2.2.1] Xét thấy Hợp đồng tiêu thụ lúa được Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM và Hợp tác xã VC ký kết trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ các Điều 24, Điều 34, Điều 35 và Điều 37 Luật Thương mại xác định hợp đồng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TM đã chuyển tiền cho Hợp tác xã VC (người nhận tiền là ông Trịnh Văn C là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã) 03 lần cụ thể: Mùa vụ năm 2016, Công ty TM chuyển tiền vào tài khoản của ông Trịnh Văn C số tiền 25.541.428.990 đồng; Mùa vụ năm 2017 chuyển tiền vào tài khoản của ông Trịnh Văn C số tiền là 46.576.199.285 đồng; Mùa vụ năm 2018 chuyển tiền vào tài khoản của ông Trịnh Văn C số tiền 20.056.911.000 đồng. Tổng số tiền chuyển vào tài khoản của ông Trịnh Văn C là 92.174.539.275 đồng. Điều này được ông Trịnh Văn C thừa nhận. Sau khi mua lúa của nông dân, hai bên đã xác định số tiền Công ty TM chuyển trước cho Hợp tác xã VC cùng với số tiền lúa cũng như số lượng lúa đã nhập là bao nhiêu

(có bảng kê chi tiết thu mua lúa từng đợt) để đối chiếu số tiền thanh toán. Cả hai bên đều thống nhất với số tiền chuyển tạm ứng trước cho Hợp tác xã VC cũng như danh sách các hộ nông dân mua lúa, không có tranh chấp.

Sau khi kết thúc hợp đồng, các bên đã tiến hành đối chiếu nhiều lần để xác nhận công nợ cụ thể:

- Biên bản đối chiếu công nợ số 04/BBĐCN-TMC ngày 01/12/2018 giữa Công ty TM và Hợp tác xã VC thì Hợp tác xã VC còn nợ từ ngày 05/9/2016 đến ngày 30/11/2018 là 6.449.717.877 đồng (Từ 03 biên bản số 01/BBĐCN-TMC, Biên bản số 02/BBĐCN-TMC, Biên bản số 03/BBĐCN-TMC) (Bút lục số 661, 670, 677, 678).

- Biên bản làm việc về việc đối chiếu công nợ giữa hai bên vào ngày 07/5/2020 (Bút lục số 679, 680) nội dung thể hiện sau khi đối chiếu các chứng từ hóa đơn, đối chiếu công nợ hai bên thống nhất ý kiến như sau:

“1. Hợp tác xã VC đồng ý chốt công nợ theo bảng đối chiếu công nợ năm 2016, 2017, 2018 với tổng số tiền còn nợ là 6.449.717.877 đồng.

2. Về việc thất thoát 2 ghe lúa: 1 ghe nàng hoa có số lượng 87.605kg có giá trị thành tiền là 514.240.000đ và 01 ghe lúa 504 số lượng 47.513kg. Hợp tác xã VC không đưa ra được chứng từ chứng minh việc nhập kho lúa cho Chi nhánh Công ty, việc làm mất mát hai ghe lúa Công ty, Hợp tác xã VC đồng ý chịu trách nhiệm về sự làm mất mát hai ghe lúa này của Công ty, Hợp tác xã VC cũng đồng ý chịu trách nhiệm về sự mất mát 204.000kg lúa của CN Công ty và có trách nhiệm bồi hoàn lại cho Công ty tổng số tiền là 2.090.898.414 đồng...

3. Về hai xe lúa thất thoát năm 2018 với tổng giá trị là 133.485.414đ, Hợp tác xã VC có trách nhiệm cung cấp chứng từ nhập kho cho Công ty trước ngày 11/5/2020, nếu Hợp tác xã VC không cung cấp được chứng từ chứng minh đã nhập kho cho CN Công ty thì Hợp tác xã VC chịu trách nhiệm trả lại số tiền trên cho CN Công ty.

4. Chi phí huê hồng, vận chuyển, hao hụt và các chi phí khác: CN Công ty TM còn nợ Hợp tác xã số tiền 275.000.000đ.

5. Sau khi đối chiếu, cân trừ công nợ các khoản giữa hai bên tính đến ngày 7/5/2020, Hợp tác xã VC còn nợ lại Công ty TM tổng số tiền 8.065.616.291đ.

Công ty yêu cầu Hợp tác xã VC thanh toán 1 lần bằng tiền mặt trước ngày 30/5/2020

Ý kiến của HTX Vĩnh Cường: Hợp tác xã VC yêu cầu quý công ty xem xét tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã trả nợ...”

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ nêu trên, Công ty TM yêu cầu Hợp tác xã VC thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TM số tiền còn nợ là 8.065.616.291 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TM xác định các bên đều thống nhất số nợ, chỉ tranh chấp về thời gian trả nợ. Sau khi đối chiếu, cần trừ công nợ về tiền hoa hồng, tiền Hợp tác xã đã trả cho Công ty TM số tiền 200.000.000 đồng và tiền Công ty TM còn nợ Hợp tác xã VC 275.000.000 đồng thì hiện nay Hợp tác xã VC còn nợ lại Công ty TM số tiền 8.065.616.291 đồng.

Hợp tác xã VC kháng cáo không đồng ý trả nợ. Xét thấy, công nợ giữa Công ty TM và Hợp tác xã VC đã được các bên thực hiện qua các biên bản chốt công nợ, việc xác nhận công nợ của Hợp tác xã VC đã thể hiện việc thừa nhận nợ của Hợp tác xã VC, đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Công ty TM yêu cầu Hợp tác xã VC thanh toán tổng số tiền 8.065.616.291 đồng là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TM cần buộc Hợp tác xã VC thanh toán số tiền còn nợ là 8.065.616.291 đồng là có căn cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC cho rằng biên bản làm việc ngày 07/5/2020 chỉ do cá nhân ông Trịnh Văn C ký, không có đóng dấu của Hợp tác xã VC nên không có giá trị pháp lý; theo như Công ty TM trình bày lý do thời điểm đó, ông Cường do bỏ quên con dấu Hợp tác xã và hứa sau khi về Bạc Liêu đóng dấu xác nhận và gửi lên cho Công ty nhưng ông Cường không thực hiện. Xét thấy, mặc dù trong biên bản làm việc ngày 07/5/2020 chỉ có chữ ký xác nhận của ông Trịnh Văn C nhưng tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện ủy quyền của ông Cường thừa nhận nội dung của biên bản làm việc này, việc ông Cường ký xác nhận trong biên bản ngày 07/5/2020 không phải với tư cách cá nhân mà với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã VC, nên việc thiếu con dấu đóng của Hợp tác xã VC không làm mất đi tính pháp lý của văn bản trên. Do đó bị đơn kháng cáo không đồng ý thanh toán số tiền nợ 8.065.616.291 đồng cho Công ty TM là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Công ty TM yêu cầu Hợp tác xã VC trả số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ 30/11/2018 đến ngày 29/6/2022. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, người đại diện ủy quyền Công ty TM đã rút một phần yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 30/11/2018 đến ngày 31/5/2020, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đòi phần rút yêu cầu này là có căn cứ.

Công ty TM yêu cầu Hợp tác xã VC trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/06/2020 đến ngày 31/12/2022 với mức lãi suất yêu cầu là 9%/năm. Mặc dù, nội dung Hợp đồng tiêu thụ lúa số: 001/2017/HĐLK SX/TMC ký ngày 15/01/2017, các bên không có thỏa thuận

việc trả lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại để giải quyết, nội dung điều luật quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng trên thị trường (tại địa phương) tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) cụ thể: Mức lãi suất được tính từ ngày 01/6/2020 đến ngày 31/12/2022 là 02 năm 07 tháng = (31 tháng) là $9\%/năm = 0,75\%/tháng \times 8.065.616.291 \text{ đồng} = 1.875.255.782 \text{ đồng}$. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/6/2020 đến ngày 31/12/2022 đối với số tiền nợ 8.065.616.291 đồng là có căn cứ.

[2.2.3] Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC còn đặt vấn đề đối với số tiền 3.800.000.000 đồng là số tiền mà Công ty TM đưa cho Hợp tác xã VC mua lúa giống đầu tư trước cho người dân sản xuất, số tiền 3.968.000.000 đồng là tiền đặt cọc lúa cho người dân, số tiền còn lại 297.616.291 đồng là số tiền thất thoát trong quá trình tiêu thụ lúa. Hợp tác xã Vĩnh Cường xác định tiền đặt cọc lúa 3.968.000.000 đồng người dân chưa trả cho Công ty là do Công ty TM không nhận lúa của người dân nên không đồng ý yêu cầu của Công ty TM.

Trong quá trình thực hiện “Hợp đồng tiêu thụ lúa” giữa hai bên không tranh chấp, kể cả sau khi Hợp đồng kết thúc, các bên chỉ tranh chấp về chậm trả số tiền nợ. Mặt khác, trong “Hợp đồng tiêu thụ lúa” ký kết người nhận tiền hoa hồng và ký kết với Công ty TM là Hợp tác xã VC, không phải các hộ dân. Tại điểm 1.5 Điều 1 của Hợp đồng tiêu thụ lúa có nêu *“Trong trường hợp nếu không đạt được thỏa thuận, nông dân có thể bán bên ngoài..., Hợp tác xã có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền ứng lúa giống cho Công ty TM”*. Đồng thời, tại điểm 4.2 Điều 4 của Hợp đồng có nêu: *“Hợp tác xã có trách nhiệm trả khoản chi phí đầu tư giống của Công ty cho bà con nông dân trong trường hợp nông dân không bán lúa cho Công ty”*.

Như vậy, tại Hợp đồng nêu rõ nếu không đạt được thỏa thuận thì nông dân bán lúa bên ngoài và Hợp tác xã VC có trách nhiệm hoàn trả số tiền ứng trước cho Công ty TM. Việc người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã VC đặt ra yêu cầu đối trừ số tiền đặt cọc lúa 3.968.000.000 đồng người dân chưa trả cho Công ty là do Công ty TM không nhận lúa của người dân là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng quy định pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; ý kiến của Kiểm sát viên

đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án số 01/2023/KDTM-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm 01/2023/KDTM-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn Hợp tác xã VC không được chấp nhận nên Hợp tác xã VC phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hợp tác xã VC. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 34, Điều 35 và Điều 37, Điều 306 Luật Thương mại năm 2015; Điều 11 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM.

Buộc Hợp tác xã Nông Nghiệp VC thanh toán cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM tổng số tiền là 9.940.872.073 đồng (*Chín tỷ chín trăm bốn mươi triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bảy mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 8.065.616.291 đồng (*Tám tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm chín mươi một đồng*) và tiền lãi là 1.875.255.782 đồng (*Một tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM đòi Hợp tác xã Nông Nghiệp VC trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/11/2018 đến ngày 31/05/2020.

3. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Hợp tác xã Nông Nghiệp VC phải nộp số tiền 117.940.872 đồng.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu TM đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 59.300.000 đồng (*Năm mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003348 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HB được hoàn lại toàn bộ.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Buộc Hợp tác xã Nông Nghiệp VC phải nộp số tiền 2.000.000 đồng. Hợp tác xã Nông Nghiệp VC đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0011330 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu án phí phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm 01/2023/KDTM-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hòa Bình;
- CCTHADS huyện Hòa Bình;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Huỳnh Thị Kiều Anh